TỈNH ỦY TUYÊN QUANG * Số 86-NQ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Tuyên Quang, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050

I. KHÁI QUÁT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025

Giai đoạn 2021–2025, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, với sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở, cùng sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, ngành công nghiệp của tỉnh có bước phát triển nhất định, chuyển dịch từ quy mô nhỏ mang tính truyền thống sang phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá; áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ, hình thành các ngành công nghiệp chủ lực như: công nghiệp chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; thủy điện và năng lượng; cơ khí quy mô nhỏ. Công nghiệp ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu ngân sách nhà nước. Hệ thống khu, cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư; hạ tầng điện, giao thông phục vụ sản xuất từng bước được cải thiện; một số dự án công nghiệp có quy mô tương đối lớn đi vào hoạt động, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển công nghiệp của tỉnh vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô và năng lực cạnh tranh còn hạn chế; giá trị gia tăng và tỷ trọng công nghiệp trong GRDP còn thấp; tiến độ triển khai một số dự án chậm; hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, tỷ lệ lấp đầy chưa cao; công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; nguồn nhân lực chất lượng cao còn thiếu; công tác xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường, xuất khẩu chưa đáp ứng yêu cầu.

Nguyên nhân chủ yếu là do công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở một số cấp, ngành chưa quyết liệt; năng lực của phần lớn doanh nghiệp còn hạn chế; thu hút đầu tư, nhất là đầu tư có chất lượng cao chưa đạt yêu cầu; kết cấu hạ tầng, logistics và quỹ đất sạch phục vụ phát triển công nghiệp còn nhiều khó khăn; tác động bất lợi của thiên tai, dịch bệnh.

Trong bối cảnh tỉnh Tuyên Quang đứng trước thời cơ phát triển mới, yêu cầu đặt ra là phải có định hướng chiến lược và giải pháp đồng bộ để phát triển công nghiệp nhanh, bền vững, thực sự trở thành trụ cột của nền kinh tế tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh.

2. Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; lấy chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn. Xây dựng một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn.

3. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với lợi thế của tỉnh; tập trung hình thành các ngành công nghiệp chủ lực, sản phẩm có sức cạnh tranh.

4. Phát triển công nghiệp gắn chặt với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành; phát triển đồng bộ hạ tầng khu, cụm công nghiệp; tăng cường liên kết vùng và hợp tác với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài tỉnh.

5. Phát huy vai trò kiến tạo của chính quyền; lấy doanh nghiệp làm trung tâm; Nhà nước đồng hành, hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả; tập trung phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp nhẹ, năng lượng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, nhất là chế biến sâu nông, lâm sản, thực phẩm; từng bước nâng cao trình độ công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp; tạo nền tảng để tiếp cận và thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn sau. Phấn đấu đưa công nghiệp trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế tỉnh Tuyên Quang.

2. Mục tiêu cụ thể đến 2030

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp đạt mức hợp lý, bền vững. Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm (VA) ngành công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu đạt khoảng 117,84%.

- Phấn đấu tỷ lệ sản phẩm chế biến sâu trong ngành công nghiệp tăng trưởng bình quân 10%/năm. Khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, sạch là mô hình bền vững sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, nhằm tối ưu tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao sức khỏe cộng đồng. Khuyến khích thành lập các khu công nghiệp sinh thái được ưu tiên với tiêu chí: nhà xưởng thân thiện, tỷ lệ cây xanh cao (>25%).

- Thành lập mới, điều chỉnh, mở rộng một số khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch tỉnh.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 72% trở lên; trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở lên.

- 100% khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp đạt trên 70%.

3. Tầm nhìn đến 2050: Tuyên Quang phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn là trụ cột của nền kinh tế tỉnh với nhiều sản phẩm công nghiệp xanh, sạch, hữu cơ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Rà soát, điều chỉnh cơ cấu ngành công nghiệp: Triển khai hiệu quả phương án phát triển công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh; phát huy lợi thế từng địa phương; thúc đẩy chuyển dịch từ các ngành sử dụng nhiều tài nguyên, lao động giản đơn sang các ngành có hàm lượng khoa học – công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

a) Triển khai phương án phát triển công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh; phát huy lợi thế cạnh tranh, các thế mạnh của tỉnh và từng địa phương; thúc đẩy dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

b) Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết công nghiệp.

c) Phát triển công nghiệp sạch; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; nâng cao giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học kỹ thuật trong phát triển công nghiệp.

2. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh: Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; xác định cải thiện môi trường đầu tư là khâu đột phá để thu hút các dự án công nghiệp có chất lượng; tăng cường đối thoại với doanh nghiệp; kiên quyết xử lý các dự án chậm tiến độ, vi phạm pháp luật

a) Tỉnh phân cấp, uỷ quyền quản lý nhà nước cho các sở, ngành, xã, phường, nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành trên cơ sở phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương trong bộ máy hành chính Nhà nước, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất, thông suốt, hiệu quả cao trong quản lý nhà nước và phát triển công nghiệp của tỉnh.

b) Duy trì đối thoại định kỳ giữa doanh nghiệp với các cơ quan hành chính nhà nước để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, các tổ chức, cá nhân trong đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực công nghiệp, nhất là về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường,... kiên quyết xử lý, thu hồi những dự án chậm tiến độ, vi phạm quy định pháp luật. Chú trọng làm tốt công tác khen thưởng, biểu dương, tôn vinh các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có thành tích, đóng góp cho phát triển công nghiệp của tỉnh.

c) Tạo bước đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Kịp thời hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp trong công nghiệp từ quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

d) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực nhằm đơn giản hóa quy trình và thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); triển khai có hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Tuyên Quang.

e) Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu, chủ đầu tư nhằm phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp;

sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khu, cụm công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển công nghiệp trong tình hình mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện các giải pháp về phát triển công nghiệp của chính quyền cấp tỉnh, cấp xã, phường, nhằm tăng nhanh tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, tránh lãng phí đất đai tại các khu, cụm công nghiệp đã thành lập.

3. Phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh như chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, vật liệu xây dựng, năng lượng; ưu tiên chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng; từng bước tạo nền tảng thu hút công nghiệp hỗ trợ và một số ngành công nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn sau.

a) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp có năng lực đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào quản lý, sản xuất, kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng, là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp. Lựa chọn, tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ chất lượng, thiết thực trong lĩnh vực công nghiệp.

b) Phát triển công nghiệp giai đoạn đến 2030

- Tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp: chế biến gỗ, lâm sản, nông sản, thực phẩm, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, luyện kim và cơ khí chế tạo, hoá chất, công nghiệp nhẹ; ưu tiên chế biến sâu, tiến tới thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới.

- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, bền vững nhằm cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu theo hướng chế biến sâu. Chú trọng và khuyến khích thăm dò, điều tra, khảo sát tiềm năng tài nguyên khoáng sản; xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp khoáng sản dài hạn. Khuyến khích áp dụng công nghệ sử dụng triệt để tài nguyên, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

- Phát triển ngành điện đảm bảo tốc độ tăng trưởng sản lượng điện trên 15%/năm để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng; đến năm 2030 đạt 99% thôn, bản trên địa bàn tỉnh được sử dụng điện lưới quốc gia. Chú trọng phát triển và nâng cấp hệ thống lưới điện trong toàn tỉnh, nâng cao chất lượng phục vụ để tạo uy tín, độ tin cậy trong cung cấp, sử dụng điện, nhất là ở các khu vực có nhu cầu sử dụng điện năng lớn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, sớm hoàn thành, đưa vào khai thác các dự án nguồn điện đã có chủ trương đầu tư như: Điện sinh khối Tuyên Quang, Thuỷ điện Yên Sơn, Thuỷ điện Sông Lô 5, Thuỷ điện Sông Lô 3.... bổ sung quy hoạch và đầu tư nâng công suất của Nhà máy Thuỷ điện Tuyên Quang, Thuỷ điện Thái An, Thuỷ điện Chiêm Hoá, Thuỷ điện Sông Lô 8B… Đa dạng hình thức, giải pháp thu hút từ các nước có thế mạnh về nguồn lực, công nghệ tiên tiến, hiện đại để phát triển nguồn năng lượng: Thủy điện, năng lượng sinh khối, năng lượng mặt trời, các dạng năng lượng khác,... có hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường.

4. Đầu tư phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp: Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nhất là giao thông, điện, nước, xử lý môi trường; phát triển hạ tầng logistics; thành lập, mở rộng, điều chỉnh khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch tỉnh, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các khu, cụm công nghiệp

a) Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có; đầu tư xây dựng mới hệ thống giao thông đường bộ và đường thuỷ ở những nơi có điều kiện, hạ tầng điện, cấp, thoát nước, viễn thông,... Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp đã thành lập; phát triển hệ thống giao thông kết nối các cụm, khu công nghiệp với hệ thống giao thông huyết mạch của tỉnh, các tỉnh trong khu vực và hệ thống giao thông quốc gia đảm bảo thông suốt, đồng bộ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển công nghiệp nói riêng.

b) Thực hiện đồng bộ, đa dạng các giải pháp huy động nguồn lực, chú trọng nguồn lực xã hội hoá để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp của tỉnh cả trước mắt và lâu dài.

c) Khai thác hợp lý, hiệu quả các trục đường giao thông quan trọng và những nơi có lợi thế để mở mới các khu, cụm công nghiệp; khuyến khích nguồn lực xã hội hoá đầu tư, kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai, Quỹ phát triển đất phục vụ tạo quỹ đất sạch, xây dựng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp để thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh.

d) Cân đối, sử dụng hợp lý nguồn lực từ ngân sách, đẩy mạnh giải pháp thu hút nguồn lực xã hội hoá để đầu tư hạ tầng xã hội, ưu tiên hạ tầng thương mại, dịch vụ, y tế, trường, lớp học, hệ thống cung ứng nhiên liệu, vận tải nguyên liệu, công nhân, nhà ở xã hội,... tại các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội trong khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp: Phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực quan trọng của công nghiệp tỉnh; triển khai hiệu quả chính sách khuyến công, hỗ trợ đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng có chọn lọc, chất lượng

a) Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trong tỉnh thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng trong phát triển công nghiệp của tỉnh; chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp. Triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

b) Triển khai các cơ chế, chính sách khuyến công, khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ các nhà đầu tư Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc

thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật; trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

c) Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Trung ương và địa phương; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh, đề nghị Trung ương điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách để phù hợp với tình hình thực tế, tạo môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp được thuận lợi, hiệu quả cho nhà đầu tư và Nhà nước, trong đó ưu tiên ban hành các chính sách thu hút đầu tư vào những ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao, thu hút đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp nằm trong hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp của cả nước. Thực hiện lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ theo tiêu chí được nhà nước quy định phù hợp với điều kiện của tỉnh, tập trung vào các khâu còn yếu của chuỗi giá trị sản phẩm hoặc công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

e) Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) về công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, thiết bị điện, điện tử - tin học, cơ khí; thực hiện thu hút FDI theo hướng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm. Lựa chọn, khuyến khích các dự án FDI vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ *"cao, mới, sạch, tiết kiệm"*; sử dụng nguyên liệu, phụ kiện sản xuất trong tỉnh và trong nước, ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước trong tỉnh; ưu tiên các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế và có năng lực cạnh tranh cùng các doanh nghiệp nước ngoài, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

6. Phát triển khoa học – công nghệ và chuyển đổi số trong công nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp.

a) Phát triển mạnh mẽ, bứt phá về hạ tầng thông tin - truyền thông, đảm bảo việc tạo lập, truyền tải, lưu trữ, xử lý, chia sẻ dữ liệu số an toàn, tin cậy, đáp ứng yêu cầu kết nối thông suốt, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, đồng bộ, đáp ứng yêu kết nối Internet thông suốt; khuyến khích xây dựng các trung tâm dữ liệu, đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu. Tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng, thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

b) Hỗ trợ xây dựng và phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp công nghệ thông tin và công nghiệp ưu tiên; khuyến khích các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp chủ lực, ưu tiên.

c) Phát triển sản phẩm công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo; triển khai kịp thời chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư máy móc công nghệ hiện đại để gia tăng giá trị trong lĩnh vực chế biến trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành của Trung ương.

7. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp: Đẩy mạnh đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; gắn đào tạo với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động; từng bước hình thành đội ngũ lao động công nghiệp có tay nghề cao, kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp

a) Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, công nghiệp 4.0 trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; chú trọng đào tạo kỹ năng số, kỹ năng công nghệ cho học sinh, sinh viên và người lao động.

b) Huy động nguồn lực, trong đó lồng ghép nguồn lực các Chương trình mục tiêu, đề án, dự án để ưu tiên tập trung đào tạo nghề cho lao động địa phương, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao, phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp của tỉnh. Mở rộng, phát triển thị trường lao động, tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu lao động uy tín, thu nhập cao, ổn định để tổ chức cho lao động địa phương đi làm việc.

c) Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

d) Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực ngành công nghiệp; gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động công nghiệp.

e) Rà soát, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp cận các công nghệ mới; tăng cường công tác kiểm định chất lượng đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác, liên kết và hỗ trợ nhau trong đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực để tạo ra nguồn nhân lực có tay nghề cao nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp sơ chế, chế biến nông sản, công nghiệp năng lượng.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản, môi trường; khuyến khích các dự án sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát trong hoạt động sản xuất công nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt phương án, chương trình, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Thực hiện nghiêm chính sách pháp luật về đất đai, tạo quỹ đất sạch

tại các khu, cụm công nghiệp và các khu vực khác; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi theo cơ chế thị trường, phù hợp với quy hoạch.

b) Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp; khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường. Khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; huy động các nguồn vốn đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, xử lý chất thải nguy hại tại các khu, cụm công nghiệp.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện để chấn chỉnh, xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như điều kiện kinh doanh, các quy định về lao động, tiền lương, kê khai thuế, nộp thuế, về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ, tạo môi trường lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

9. Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và giám sát: Phát huy vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường giám sát, phản biện xã hội trong quá trình triển khai chính sách phát triển công nghiệp

a) Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách phát triển sản xuất công nghiệp. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tạo điều kiện cho Nhân dân tiếp cận các cơ hội, nguồn lực, tham gia lao động sản xuất, kinh doanh và hưởng lợi từ quá trình phát triển công nghiệp của tỉnh. Lựa chọn, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất công nghiệp có hiệu quả để vận động đoàn viên, hội viên triển khai thực hiện.

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp ủy đảng và chính quyền về vai trò và nội dung chính sách công nghiệp quốc gia trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia là một trong những nội dung lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho từng sở, ngành, địa phương trong tỉnh.

c) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động với quá trình phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách phát triển công nghiệp, việc xây dựng và thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết; định kỳ tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình triển khai, kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ chủ trì xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt, triển khai Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân để thống nhất nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban đảng Tỉnh ủy, cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết; báo cáo định kỳ, đột xuất với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến các chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY TUYÊN QUANG

Ký bởi: Tỉnh ủy Tuyên Quang

Hầu A Lềnh

Nơi nhận:
- Ban Bí thư (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh uỷ,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.